TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP HÀ NỘI** *******	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **********
Số: 332/2021/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 28 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Khương Thị N - SN 1986

ĐKHKTT: P536 CT8C, Chung cư Đ, xã T, huyện T, TP Hà Nội

Cư trú tại: thôn Y, xã T, huyện T, TP Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T - SN 1985

ĐKHKTT: P536 CT8C, Chung cư Đ, huyện T, TP Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57; 58; 81; 82 - Luật hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **chị Khương Thị N và anh Vũ Văn T**

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Khương Thị N và anh Vũ Văn T.

-Về con chung: xác nhận anh chị có một con chung cháu Vũ Minh P sinh ngày 01/10/2012. Giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các đương sự có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị N và anh T tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

- Về án phí: Chị Khương Thị N tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số AA/2020/00062021 ngày 12/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội. Hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Đỗ Thị Mai Thu

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện T, Hà Nội
- Các đương sự
- Số 01/2012, Quyển 01/2011
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương
- Chi cục THA dân sự huyện T, TP Hà Nội
- Lưu HS vụ án